

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN	
TP. HỒ CHÍ MINH	
ĐẾN	Số: 23.641
	Giờ: Ngày 16 tháng 8 năm 2010

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý II năm 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, P. 15, Q. Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		651,111,579,722	380,194,095,453
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	54,127,648,259	136,447,709,626
1. Tiền	111		54,127,648,259	32,047,709,626
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	104,400,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		64,774,335,635	34,992,402,807
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	42,893,735,466	28,154,401,342
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	564,501,401	6,751,900,243
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	21,316,098,768	86,101,222
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		501,382,713,468	200,042,892,789
1. Hàng tồn kho	141	V.5	501,382,713,468	200,042,892,789
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		30,826,882,360	8,711,090,231
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6	2,801,332	163,280,000
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		6,996,451,616	3,090,661,517
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.7	23,443,769,412	5,457,148,714
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.8	383,860,000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, P. 15, Q. Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		267,622,836,978	271,762,257,668
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		265,738,836,978	270,089,457,668
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	212,033,085,800	225,224,352,915
<i>Nguyên giá</i>	222		387,148,847,209	387,126,674,334
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(175,115,761,409)	(161,902,321,419)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	19,064,539,573	19,704,205,963
<i>Nguyên giá</i>	228		24,208,897,338	24,208,897,338
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(5,144,357,765)	(4,504,691,375)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	34,641,211,605	25,160,898,790
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.12	1,884,000,000	1,672,800,000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		1,884,000,000	1,884,000,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	(211,200,000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		918,734,416,700	651,956,353,121

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, P. 15, Q. Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		599,413,163,990	356,481,099,916
I. Nợ ngắn hạn	310		521,394,501,450	278,567,282,268
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.13	142,545,199,226	32,424,000,000
2. Phải trả người bán	312	V.14	341,809,588,019	215,363,679,608
3. Người mua trả tiền trước	313	V.15	4,062,748,903	3,210,473,293
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	5,270,166,944	6,056,646,371
5. Phải trả người lao động	315	V.17	13,936,560,574	14,359,692,262
6. Chi phí phải trả	316	V.18	10,109,159,261	232,511,656
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.19	730,247,517	4,578,476,894
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.20	2,930,831,006	2,341,802,184
II. Nợ dài hạn	330		78,018,662,540	77,913,817,648
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.21	60,000,000	60,000,000
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.22	77,853,817,648	77,853,817,648
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.23	104,844,892	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		319,321,252,710	295,475,253,205
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.24	319,321,252,710	295,475,253,205
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		189,802,000,000	189,802,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		97,569,428,024	68,357,166,495
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		8,102,230,959	8,102,230,959
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		2,958,610,481	1,711,197,659
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		20,888,983,246	27,502,658,092
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, P. 15, Q. Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định 433 - -

TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	918,734,416,700	651,956,353,121
----------------------------	------------	------------------------	------------------------

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	
		Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công (Dầu cải - Công ty Ajinomoto)		621,460,000	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		607,705.31	98,209.88
...			
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 07 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 07 năm 2010

Tổng giám đốc

*Nguyễn Phương Thảo**Vũ Đức Thịnh*

Nguyễn Phương Thảo

Vũ Đức Thịnh

Hà Bình Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, P. 15, Q. Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ báo cáo quý kết thúc ngày 30.06.2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 2 năm 2010

Đơn vị: Đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: Đồng			
			Năm nay	Năm trước	Lũy kế năm nay	Lũy kế năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	636,845,900,333	686,302,456,119	1,260,941,974,420	1,293,469,102,140
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	1,430,515,365	1,063,215,103	1,748,936,967	6,220,466,948
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	635,415,384,968	685,239,241,016	1,259,193,037,453	1,287,248,635,192
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	561,397,211,365	601,615,317,158	1,108,211,121,953	1,140,398,502,733
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		74,018,173,603	83,623,923,858	150,981,915,500	146,850,132,459
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	658,678,127	722,787,668	2,208,973,591	1,489,359,656
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	8,344,546,905	7,540,873,419	11,529,631,680	18,058,384,457
Trong đó: chi phí lãi vay	23		5,185,333,743	1,987,523,189	7,783,254,268	3,757,481,323
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	49,785,711,558	44,119,607,572	92,978,649,663	78,857,632,875
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	7,032,806,140	8,070,728,293	13,426,396,854	14,256,844,341
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		9,513,787,127	24,615,502,242	35,256,210,894	37,166,630,442
11. Thu nhập khác	31	VI.7	17,036,532	640,586,564	49,087,240	3,343,443,191
12. Chi phí khác	32		-	-	-	814,350
13. Lợi nhuận khác	40		17,036,532	640,586,564	49,087,240	3,342,628,841
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	VI.8	9,530,823,659	25,256,088,806	35,305,298,134	40,509,259,283
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (*)	51	VI.8	31,178,253	5,033,864,591	5,699,087,047	6,876,802,494
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	VI.9	9,499,645,406	20,222,224,215	29,606,211,087	33,632,456,789
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	501	1,065	1,560	1,772

Người lập biểu

Nguyễn Phương Thảo

Kế toán trưởng

Vũ Đức Thịnh



Ngày 17 tháng 7 năm 2010

Đông Giám đốc

Hà Bình Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, P. 15, Q. Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		35,305,298,134	40,509,359,283
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.9&10	13,920,973,641	14,731,582,281
- Các khoản dự phòng	03		(211,200,000)	(273,600,000)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(2,050,510,001)	(1,227,370,537)
- Chi phí lãi vay	06	VII.2	7,783,254,268	3,757,481,323
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		54,747,816,042	57,497,452,350
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(52,144,304,847)	(3,361,501,818)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(301,339,820,679)	(127,321,849,817)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		150,200,576,931	25,884,721,414
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		160,478,668	1,926,111,331
- Tiền lãi vay đã trả	13	VII.2	(8,015,765,924)	(5,838,990,526)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.16	(1,627,304,402)	(351,816,846)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	2,149,224
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	V.20	(658,384,000)	(748,856,878)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(158,676,708,211)	(52,312,581,566)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9,11,18	(9,328,883,605)	(10,931,401,642)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.4&VI.3	2,136,611,223	1,252,259,426
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(7,192,272,382)	(9,679,142,216)

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, P. 15, Q. Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		227,715,615,376	109,019,921,330
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.13	(117,594,416,150)	(26,552,000,000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(26,572,280,000)	(37,960,400,000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<u><i>83,548,919,226</i></u>	<u><i>44,507,521,330</i></u>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(82,320,061,367)	(17,484,202,452)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	136,447,709,626	80,084,126,763
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	<u>54,127,648,259</u>	<u>62,599,924,311</u>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 07 năm 2010

Người lập



Nguyễn Phương Thảo

Kế toán trưởng



Vũ Đức Thịnh



Tăng Giám đốc

Hà Bình Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ báo cáo quý kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2010

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ báo cáo Quý 2 năm 2010

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất, mua bán và xuất nhập khẩu các sản phẩm chế biến từ dầu, mỡ động thực vật, từ các loại hạt có dầu, thạch dừa. Sản xuất, mua bán các loại bao bì đóng gói. Mua bán xuất nhập khẩu các loại máy móc, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu phục vụ sản xuất, chế biến ngành dầu thực vật. Cho thuê mặt bằng, nhà xưởng...

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Cơ sở lập Báo cáo tài chính**
Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.
2. **Tiền và tương đương tiền**
Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ báo cáo quý kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ căn cứ vào đánh giá cụ thể về khả năng thu hồi của từng khoản nợ.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định chi tiết như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 20
Máy móc và thiết bị	5 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	7 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 7

6. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao trong 10 năm.

Quyền sử dụng đất là tiền thuê đất Công ty trả một lần cho nhiều năm và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại KCN Phú Mỹ I (Bà Rịa – Vũng Tàu). Quyền sử dụng đất này được khấu hao theo thời gian còn lại tính từ khi dự án đi vào hoạt động.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ báo cáo quý kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Khoản Lợi thế doanh nghiệp ghi nhận theo số liệu Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 30 tháng 09 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ công nghiệp ngày 11 tháng 05 năm 2004 được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn và phân bổ vào chi phí kinh doanh.

10. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 3 % quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

11. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và Quyết định của Đại hội đồng cổ đông

- Quỹ dự trữ bổ sung VDL: 5% lợi nhuận sau thuế
- Quỹ đầu tư phát triển: 10% lợi nhuận sau thuế
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 5% lợi nhuận sau thuế

12. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là khoản nợ phải trả trong kỳ theo mức cổ tức được công bố.

13. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Về vấn đề ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp: Trong kỳ Công ty đã nhận được công văn số 149/TCT-PC ngày 14 tháng 01 năm 2010 của Tổng cục thuế về việc ưu đãi thuế thu nhập doanh

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ báo cáo quý kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

ngành đối với doanh nghiệp niêm yết chứng khoán lần đầu giai đoạn từ năm 2004-2006. Theo nội dung công văn đã trả lời: "Trường hợp, tại năm tài chính có chứng khoán niêm yết lần đầu, doanh nghiệp vừa thuộc diện hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, vừa được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp do niêm yết chứng khoán lần đầu thì mức ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định cộng cả mức ưu đãi theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và mức ưu đãi do niêm yết chứng khoán lần đầu. Tuy nhiên, đối với các doanh nghiệp niêm yết chứng khoán lần đầu trong thời gian miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp theo luật thuế thu nhập doanh nghiệp đã xác định giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp do niêm yết chứng khoán lần đầu trong giai đoạn 2004-2006 theo hướng dẫn tại Công văn số 10997/BTC-CST ngày 8/9/2006 thì không xem xét xử lý lại". Do đó, theo hướng dẫn từ Cục thuế TP HCM, trong kỳ Công ty đã kê khai điều chỉnh giảm số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2007 và 2008 là 20.753.858.117 đồng. Số thuế thu nhập doanh nghiệp đã tạm nộp được chuyển sang bù trừ cho các kỳ tính thuế tiếp theo.

Đồng thời, trong kỳ báo cáo, Công ty đã xác định lại thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2009 theo hướng dẫn tại công văn 7250/BTC-TCT ngày 07/06/2010 của Tổng Cục thuế về hướng dẫn quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp 2009. Do đó thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2009 giảm 1.305.623.123 đồng, được ghi bổ sung Quỹ đầu tư phát triển.

Từ năm 2010, Công ty đăng ký hưởng ưu đãi miễn thuế TNDN cho phần thu nhập tăng thêm do đầu tư mở rộng Nhà máy dầu Phú Mỹ.

14. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

15. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	982.765.377	1.626.050.157

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ báo cáo quý kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền gửi ngân hàng	53.144.882.882	30.421.659.469
Các khoản tương đương tiền	-	104.400.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống	-	104.400.000.000
Cộng	<u>54.127.648.259</u>	<u>136.447.709.626</u>
2. Phải thu khách hàng		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật VN	668.800.000	549.084.800
Phải thu hoạt động thương mại khác	42.224.935.466	27.605.316.542
Cộng	<u>42.893.735.466</u>	<u>28.154.401.342</u>
3. Trả trước cho người bán		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ứng trước hoạt động xây dựng cơ bản	170.601.401	3.567.243
Ứng trước hoạt động khác	393.900.000	6.748.333.000
Cộng	<u>564.501.401</u>	<u>6.751.900.243</u>
4. Các khoản phải thu khác		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lãi tiền gửi ước tính thu được	-	86.101.222
Thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ	17.955.062.924	-
Thuế GTGT phải nộp thay nhà thầu	1.285.398	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu chưa nộp	3.359.750.446	-
Cộng	<u>21.316.098.768</u>	<u>86.101.222</u>
5. Hàng tồn kho		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	333.683.300.007	65.711.774.410
Công cụ, dụng cụ	280.249.710	328.323.707
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	53.166.358.030	44.146.401.569
Thành phẩm	111.799.080.770	87.812.219.349
Hàng hóa	2.453.724.951	2.044.173.754
Cộng	<u>501.382.713.468</u>	<u>200.042.892.789</u>
6. Chi phí trả trước ngắn hạn		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ chờ phân bổ	2.801.332	163.280.000
Cộng	<u>2.801.332</u>	<u>163.280.000</u>
7. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế GTGT nộp thừa tại văn phòng công ty	-	1.077.897
Thuế TNDN nộp thừa	23.443.769.412	5.456.070.817
Cộng	<u>23.443.769.412</u>	<u>5.457.148.714</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ báo cáo quý kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**8. Tài sản ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tạm ứng	383.860.000	-
Cộng	383.860.000	-

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	132.059.575.828	247.159.346.293	5.213.537.345	2.694.214.868	387.126.674.334
Mua sắm mới		90.040.136			90.040.136
Đầu tư XDCB hoàn thành					
Thanh lý, nhượng bán		34.545.455		33.321.806	67.867.261
Số cuối kỳ	132.059.575.828	247.214.840.974	5.213.537.345	2.660.893.062	387.148.847.209
Đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng	22.737.483.833	104.122.458.421	680.234.795	1.510.723.687	129.050.900.736
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	32.844.203.303	123.851.653.892	2.919.945.884	2.286.518.340	161.902.321.419
Khấu hao trong kỳ	4.591.709.046	8.227.177.193	271.396.722	191.024.292	13.281.307.251
Thanh lý, nhượng bán		34.545.455		33.321.806	67.867.261
Số cuối kỳ	37.435.912.349	132.044.285.630	3.191.342.606	2.444.220.826	175.115.761.409
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	99.215.372.525	123.307.692.401	2.293.591.461	407.696.528	225.224.352.915
Số cuối kỳ	94.623.663.479	115.170.555.344	2.022.194.739	216.672.236	212.033.085.800

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	23.688.897.338	520.000.000	24.208.897.338
Tăng trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	23.688.897.338	520.000.000	24.208.897.338
<i>Trong đó,</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	520.000.000	520.000.000
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	3.984.691.375	520.000.000	4.504.691.375
Khấu hao trong kỳ	639.666.390	-	639.666.390
Số cuối kỳ	4.624.357.765	520.000.000	5.144.357.765
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	19.704.205.963	-	19.704.205.963
Số cuối kỳ	19.064.539.573	-	19.064.539.573

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ báo cáo quý kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất tại Nhà máy dầu Phú Mỹ có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 19.298.957.807 VND và 17.425.272.587 VND đang được thế chấp tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để đảm bảo cho khoản vay dài hạn tại Ngân hàng này (xem thuyết minh số V.22).

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	34.641.211.605	25.160.898.790
Cộng	34.641.211.605	25.160.898.790

Một phần Nhà xưởng, vật kiến trúc và máy móc thiết bị của dự án Nhà máy Phú Mỹ đang được thế chấp tại Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để đảm bảo cho khoản vay dài hạn tại Ngân hàng này (xem thuyết minh số V.22).

12. Đầu tư dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đầu tư cổ phiếu	1.824.000.000	1.824.000.000
Đầu tư trái phiếu	60.000.000	60.000.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán	-	(211.200.000)
Cộng	1.884.000.000	1.672.800.000

Tổng số cổ phiếu nắm giữ của Công ty đối với cổ phiếu VPK (Công ty cổ phần bao bì dầu thực vật) là 192.000 cổ phiếu, tương đương giá trị sổ sách 9.500 VND/CP.

Căn cứ vào giá niêm yết của Công ty cổ phần Bao bì dầu thực vật (VPK) tại Sở giao dịch chứng khoán TP HCM ngày 30 tháng 06 năm 2010 là 10.900 đ/cp, Công ty đã hoàn nhập dự phòng giảm giá cổ phiếu với số tiền 211.200.000 đồng.

13. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngân hàng	131.333.199.226	10.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	11.212.000.000	22.424.000.000
	142.545.199.226	32.424.000.000

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	<u>Vay ngân hàng</u>	<u>Vay dài hạn đến hạn trả</u>	<u>Cộng</u>
Số dư đầu năm	10.000.000.000	22.424.000.000	32.424.000.000
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	227.715.615.376	-	227.715.615.376
Số kết chuyển	-	-	-
Số tiền vay đã trả trong kỳ	(106,382,416,150)	(11,212,000,000)	(117,594,416,150)
Số dư cuối kỳ	131,333,199,226	11,212,000,000	142,545,199,226

14. Phải trả người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật VN	327.292.887.391	198.253.272.375
Các nhà cung cấp khác	14.516.700.628	17.110.407.233

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ báo cáo quý kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cộng	341.809.588.019	215.363.679.608

15. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước hoạt động thương mại	4.062.748.903	3.210.473.293
Cộng	4.062.748.903	3.210.473.293

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng nội địa	5.987.236.824	4.851.023.765	(10.569.734.479)	268.526.110
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	16.734.181.449	(13.374.431.003)	3.359.750.446
Thuế xuất, nhập khẩu	-	7.302.439.326	(5.733.208.744)	1.569.230.582
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(5.456.070.817)	(16.360.394.193)	(1.627.304.402)	(23.443.769.412)
Thuế thu nhập cá nhân	68.231.650	1.192.776.051	(1.193.857.701)	67.150.000
Tiền thuế đất	-	408.698.750	(408.698.750)	-
Thuế tài nguyên	100.000	600.000	(600.000)	100.000
Thuế khác	-	497.304.822	(491.895.016)	5.409.806
Cộng	599.497.657	14.626.629.970	(33.399.730.095)	(18.173.602.468)

Thuế thu nhập doanh nghiệp và tiền GTGT nộp thừa tại Văn phòng công ty được trình bày trên chi tiêu "Thuế và các khoản khác phải thu Nhà Nước (xem thuyết minh số V.7)

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem thuyết minh số IV.13.

Tiền thuế đất

Tiền thuế đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

17. Phải trả người lao động

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Quỹ lương còn phải trả cho người lao động	13.936.560.574	14.359.692.262
Cộng	13.936.560.574	14.359.692.262

18. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trích trước chi phí lãi vay	-	232.511.656
Trích trước chi phí kiểm toán XDCB	241.469.346	-
Trích chi phí bán hàng, quảng cáo	9.867.689.915	-
Cộng	10.109.159.261	232.511.656

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ báo cáo quý kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**19. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế thu nhập cá nhân	1.730.000	688.000
Kinh phí công đoàn	636.550.805	773.240.031
BHXH, BHYT, BHTN	3.992.177	3.432.902
Cổ tức phải trả	60.915.000	60.915.000
Tiền đảng phí	20.514.679	55.379.679
Các khoản phải trả khác	6.544.856	3.684.821.282
<i>Trong đó: Chi phí bán hàng, quảng cáo phải trả</i>	-	3.679.482.426
Cộng	<u>730.247.517</u>	<u>4.578.476.894</u>

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Tăng khác</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	893.485.910	831.608.548	-	649.900.000	1.075.194.458
Quỹ phúc lợi	1.448.316.274	415.804.274	-	8.484.000	1.855.636.548
Cộng	<u>2.341.802.184</u>	<u>1.247.412.822</u>	<u>-</u>	<u>658.384.000</u>	<u>2.930.831.006</u>

21. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Quỹ phúc lợi - Trái phiếu đầu tư từ nguồn quỹ phúc lợi	60.000.000	60.000.000

22. Vay và nợ dài hạn**Vay dài hạn ngân hàng**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay Ngân hàng Công Thương VN – SGD II - HĐ 06.781000/HĐTD ngày 14 tháng 04 năm 2006 với lãi suất vay bằng lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm 12 tháng trả lãi sau của NH Công Thương + 2%/năm	8.190.000.000	8.190.000.000
Vay Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP.HCM HĐ 01/2005/93451/HĐ ngày 24 tháng 10 năm 2005 với lãi suất bằng lãi suất tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 24 tháng + cộng 2%/năm	69.663.817.648	69.663.817.648
Cộng	<u>77.853.817.648</u>	<u>77.853.817.648</u>

Khoản vay Ngân hàng theo HĐ 01/2005/93451/HĐ để thực hiện dự án được đảm bảo bằng việc thế chấp, cầm cố tài sản hình thành từ vốn vay là toàn bộ Quyền sử dụng đất, nhà xưởng, vật kiến trúc và máy móc thiết bị của dự án (xem thuyết minh V.9 và V.10).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Số kết chuyển sang vay dài hạn đến hạn trả</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay dài hạn ngân hàng				
Vay Ngân hàng Công Thương VN – SGD II	8.190.000.000	-	-	8.190.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ báo cáo quý kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số kết chuyển sang vay dài hạn đến hạn trả	Số cuối kỳ
Vay Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP.HCM	69.663.817.648	-	-	69.663.817.648
Cộng	77.853.817.648	-	-	77.853.817.648

23. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số đầu năm	104.844.892	-
Cộng	104.844.892	-

24. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 1.

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.980.200	18.980.200
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	18.980.200	18.980.200
- Cổ phiếu phổ thông	18.980.200	18.980.200
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.980.200	18.980.200
- Cổ phiếu phổ thông	18.980.200	18.980.200
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu****Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	636.845.900.333	686.302.456.119
- Doanh thu bán hàng hóa	3.724.539.745	1.743.315.239
- Doanh thu bán thành phẩm	633.121.360.588	684.559.140.880
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(1.430.515.365)	(1.063.215.103)
- Giảm giá hàng bán	(588.241.652)	(910.268.952)
- Hàng bán bị trả lại	(842.273.713)	(152.946.151)
Doanh thu thuần	635.415.384.968	685.239.241.016
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	3.714.838.855	1.743.315.239

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ báo cáo quý kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	631.700.546.113	683.495.925.777
2. Giá vốn hàng bán		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	3.610.486.602	1.450.287.459
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	557.786.724.763	600.165.029.699
Cộng	<u>561.397.211.365</u>	<u>601.615.317.158</u>
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi	585.547.937	525.931.569
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	73.130.190	123.544.332
Cổ tức, lợi nhuận được chia	0	73.311.767
Cộng	<u>658.678.127</u>	<u>722.787.668</u>
4. Chi phí tài chính		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	3.370.413.162	5.845.190.230
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.185.333.743	1.987.523.189
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	(211.200.000)	(291.840.000)
Cộng	<u>8.344.546.905</u>	<u>7.540.873.419</u>
5. Chi phí bán hàng		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	3.962.128.642	4.122.862.841
Chi phí vật liệu, đồ dùng	82.367.301	71.558.832
Chi phí khấu hao tài sản cố định	16.250.001	7.675.290
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.480.724.314	3.829.916.583
Chi phí khác	39.244.241.300	36.087.494.026
Cộng	<u>49.785.711.558</u>	<u>44.119.607.572</u>
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	4.322.025.841	4.525.699.749
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	332.598.213	338.716.366
Chi phí khấu hao tài sản cố định	235.752.966	271.055.794
Chi phí dịch vụ mua ngoài	950.249.895	830.770.352
Chi phí khác	1.182.179.225	2.104.486.032
Cộng	<u>7.032.806.140</u>	<u>8.070.728.293</u>
7. Thu nhập khác		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu tiền bồi thường hợp đồng	0	1.320.000
Thu tiền bán bao bì cước	0	613.996.367

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ báo cáo quý kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập khác	170.036.532	25.270.197
Cộng	17.036.532	640.586.564

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	<u>Hoạt động chính</u>	<u>Thu nhập khác</u>	<u>Cộng</u>
Doanh thu	635.415.384.968		635.415.384.968
Giá vốn	(561.397.211.365)		(561.397.211.365)
Doanh thu hoạt động tài chính		0	0
Chi phí hoạt động tài chính	(7.685.868.778)		(7.685.868.778)
Chi phí bán hàng	(49.785.711.558)		(49.785.711.558)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(7.032.806.140)		(7.032.806.140)
Thu nhập khác		17.036.532	17.036.532
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	9.513.787.127	17.036.532	9.530.823.629
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:			
- Các khoản điều chỉnh tăng	9.867.689.915		9.867.689.915
- Các khoản điều chỉnh giảm	(17.926.506.982)		(17.926.506.982)
Tổng thu nhập chịu thuế	1.454.970.060	17.036.532	1.472.006.592
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%	
Thuế TNDN dự tính phải nộp	363.742.515	4.259.133	368.001.648
Thuế TNDN được miễn (*)	336.823.395	-	336.823.395
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	26.919.120	4.259.133	31.178.253

(*) Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn trong kỳ tạm tính theo chế độ ưu đãi do đầu tư mở rộng Nhà máy dầu Phú Mỹ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm trước được dự tính như sau:

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	25.256.188.806
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	
- Các khoản điều chỉnh tăng	18.051.994.222
- Các khoản điều chỉnh giảm	(3.037.266.305)
Tổng thu nhập chịu thuế	40.270.916.723
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	10.067.729.181
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm 50%	(5.033.864.590)
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	5.033.864.591

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh	9.499.645.406	20.222.224.215

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ báo cáo quý kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

ngiệp

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông

Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	9.499.645.406	20.222.224.215
---	---------------	----------------

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	18.980.200	18.980.200
--	------------	------------

Lãi cơ bản trên cổ phiếu	501	1.065
---------------------------------	------------	--------------

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	18.980.200	18.980.200
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	18.980.200	18.980.200

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	744.380.076.086	710.562.729.463
Chi phí nhân công	20.181.929.443	20.981.251.141
<i>Chi phí tiền lương</i>	<i>18.500.000.000</i>	<i>19.500.000.000</i>
<i>Chi phí tiền ăn giữa ca</i>	<i>441.475.195</i>	<i>439.407.974</i>
<i>Chi phí BHXH, BHYT, KPCĐ</i>	<i>1.240.454.248</i>	<i>1.041.843.167</i>
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.900.319.077	7.343.128.117
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.369.632.451	12.467.205.568
Chi phí khác	42.059.063.361	39.826.886.076
Cộng	827.891.020.418	791.181.200.365

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan khác với Công ty:

Mối quan hệ

Bên liên quan

Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật VN

Công ty mẹ

Tất cả các giao dịch với bên liên quan đều được thực hiện thông qua hợp đồng kinh tế và có phê duyệt của các thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan.

Trong kỳ Công ty phát sinh nghiệp vụ với Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam như sau:

	Năm nay	Năm trước
Mua nguyên liệu	544.752.309.666	707.706.549.566
Thanh toán tiền mua nguyên liệu	494.338.897.720	516.500.886.015

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ báo cáo quý kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tại ngày cuối kỳ báo cáo, tình hình công nợ với Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam như sau:		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu tiền bán hàng	668.800.000	549.084.800
Phải trả tiền mua nguyên liệu	327.292.887.391	198.253.272.375

2. Chi phí lãi vay

Chi tiết chi phí lãi vay phát sinh trong kỳ như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền vay đã trả	5.185.333.743	2.730.653.598
Chi phí lãi vay ghi nhận vào hoạt động SXKD	5.185.333.743	1.987.523.189

TP. HCM, ngày 06 tháng 8 năm 2010

Người lập biểu

naikae

Nguyễn Phương Thảo

Kế toán trưởng

[Signature]

Vũ Đức Thịnh

